

Phụ lục II
CHI TIẾT TIÊU CHUẨN
DANH HIỆU THÔN, TỔ DÂN PHỐ VĂN HÓA
(Kèm theo Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| Tên tiêu chuẩn | Nội dung tiêu chuẩn | Đánh giá |
|--|--|----------|
| I. Đời sống kinh tế ổn định và phát triển | 1. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động có việc làm và thu nhập ổn định. | ≥ 90% |
| | 2. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo thấp. <i>Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều và tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều thấp hơn tỷ lệ chung của tỉnh năm liền kề trước năm xét công nhận.</i> | Đạt |
| | 3. Phát triển ngành nghề truyền thống hoặc có đóng góp về văn hóa, công nghệ, khoa học kỹ thuật cho địa phương. <i>Có hoạt động phát triển ngành nghề truyền thống hoặc có tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về văn hóa, ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật, thu hút trên 80% người dân tham gia.</i> | Đạt |
| | 4. Tham gia, hưởng ứng các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức. | Đạt |
| | 4.1. Có từ 85% trở lên hộ gia đình tham gia, hưởng ứng các phong trào phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội do địa phương tổ chức. | Đạt |
| | 4.2. 100% hộ gia đình tham gia cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. | Đạt |
| II. Đời sống văn | 1. Nhà văn hóa, sân thể thao, điểm đọc sách phục vụ cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tiễn của thôn, tổ dân phố. <i>Nhà văn hóa, sân thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 và Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; phù hợp với điều kiện thực tiễn của thôn, tổ dân phố.</i> | Đạt |
| | 2. Trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường. <i>100% trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 1 trở lên.</i> | Đạt |
| | 3. Tổ chức hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí lành mạnh | |

| | | |
|--|--|-------|
| hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú | <i>3.1. Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu của người dân.</i> | Đạt |
| | <i>3.2. Các hoạt động vui chơi, giải trí được tổ chức lành mạnh.</i> | Đạt |
| | <i>3.3. Xây dựng và duy trì hoạt động các loại hình câu lạc bộ, nhóm sở thích.</i> | Đạt |
| | 4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội | ≥ 90% |
| | 5. Thực hiện tốt công tác hòa giải ở cơ sở; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. | Đạt |
| | <i>5.1. Tỷ lệ hoà giải ở cơ sở.</i> | 90% |
| | <i>5.2. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền phòng, chống tệ nạn xã hội.</i> | Đạt |
| | <i>5.3. Không để phát sinh tệ nạn xã hội ở cộng đồng.</i> | Đạt |
| | 6. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa, các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống của địa phương. | |
| | <i>6.1. 100% di sản văn hóa trên địa bàn thôn, tổ dân phố được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, quan tâm tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa.</i> | Đạt |
| <i>6.2. Có các hoạt động bảo tồn và phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân gian truyền thống ở địa phương.</i> | Đạt | |
| III. Môi trường an toàn, thân thiện, cảnh quan sạch đẹp | 1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. | |
| | <i>1.1. 100% doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ kinh doanh, hộ dân trên địa bàn đạt các tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định; chất thải, nước thải, rác thải được thu gom, xử lý đúng quy định.</i> | Đạt |
| | <i>1.2. 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.</i> | Đạt |
| | 2. Thực hiện việc mai táng, hỏa táng (nếu có) đúng quy định của pháp luật và theo quy hoạch của địa phương. <i>Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ, Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ, Thông tư số 21/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và các văn bản</i> | Đạt |

| | | |
|--|--|-----|
| | <i>pháp luật có liên quan; quy hoạch của nghĩa trang và quy chế quản lý của địa phương.</i> | |
| | 3. Các địa điểm vui chơi công cộng được tôn tạo, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ. | |
| | <i>3.1. 100% các điểm vui chơi công cộng trên địa bàn thôn, tổ dân phố thường xuyên được chỉnh trang, bảo vệ và giữ gìn sạch sẽ.</i> | Đạt |
| | <i>3.2. Các điểm vui chơi giải trí công cộng phải đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị và thu hút nhiều người dân tham gia.</i> | Đạt |
| | 4. Tham gia tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh. | |
| | <i>4.1. 100% hộ gia đình cam kết tự quản trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường và phòng, chống dịch bệnh.</i> | Đạt |
| | <i>4.2. 100% hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy định, có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh.</i> | Đạt |
| | <i>4.3. Thường xuyên cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước; cải tạo các ao, hồ sinh thái.</i> | Đạt |
| IV. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; giữ vững trật tự, an toàn xã hội; tích cực tham gia các phong trào | 1. Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến, tổ chức thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước | |
| | <i>1.1. Định kỳ tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương tới người dân.</i> | Đạt |
| | <i>1.2. Tạo điều kiện cho các tầng lớp Nhân dân tham gia giám sát hoạt động cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức thông qua việc tổ chức tốt tiếp xúc cử tri và đối thoại trực tiếp công dân với cấp lãnh đạo theo định kỳ.</i> | Đạt |
| | <i>1.3. 90% trở lên hộ gia đình thực hiện nghiêm các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.</i> | Đạt |
| | <i>1.4. Thôn, tổ dân phố đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” tại Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an.</i> | Đạt |
| | 2. Tổ chức triển khai các phong trào thi đua của địa phương. <i>Tổ chức triển khai tốt các phong trào thi đua của địa phương phát động.</i> | Đạt |
| | 3. Các tổ chức tự quản ở cộng đồng hoạt động có hiệu quả. | |

| | | |
|--|--|-------|
| thi đua của địa phương | 3.1. Thực hiện tốt hương ước, quy ước của địa phương. | Đạt |
| | 3.2. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. | Đạt |
| | 3.3. 100% các tổ chức tự quản trên địa bàn thôn, tổ dân phố hoạt động hiệu quả. | Đạt |
| | 4. Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn đạt danh hiệu gia đình văn hóa. | ≥ 90% |
| | 5. Thực hiện tốt công tác phòng, chống bạo lực gia đình/ bạo lực trên cơ sở giới. | |
| | 5.1. Thực hiện tốt công tác phòng, chống bạo lực gia đình/ bạo lực trên cơ sở giới. | Đạt |
| | 5.2. Không để xảy ra các vụ bạo lực gia đình bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị xử lý hình sự. | Đạt |
| V. Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng | 1. Thực hiện các Cuộc vận động, Phong trào thi đua yêu nước do trung ương và địa phương phát động. <i>Triển khai Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào thi đua yêu nước khác do Trung ương và địa phương phát động.</i> | Đạt |
| | 2. Quan tâm, chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người có công, người khuyết tật, người lang thang, cơ nhỡ và người có hoàn cảnh khó khăn. <i>Tổ chức các hoạt động chăm sóc người cao tuổi, trẻ em, người có công, người khuyết tật, người lang thang, cơ nhỡ và người có hoàn cảnh khó khăn.</i> | Đạt |
| | 3. Triển khai hiệu quả các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập” và các mô hình về văn hóa, gia đình tại cơ sở. <i>Có tổ chức tuyên truyền, vận động, triển khai hiệu quả phong trào học tập suốt đời, nhân rộng các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”, “Công dân học tập” gắn với nội dung triển khai xây dựng các mô hình về văn hoá, gia đình tại cơ sở.</i> | Đạt |